

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 5 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Chiu.

Ông Nguyễn Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Ker Bkông - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị S, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Bùi Thị S trình bày:

Bà Bùi Thị S và ông Phạm Ngọc Đ qua quá trình tìm hiểu đã đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10 tháng 12 năm 1989. Tuy nhiên, do thời gian đăng ký đã lâu và việc bảo quản giấy tờ không tốt nên ông, bà đã không còn lưu giữ được giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về sinh sống, làm ăn tại thôn Y, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi chung sống cùng nhau được một thời gian ngắn thì vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, xích mích. Nguyên nhân là do ông Đ thường xuyên uống rượu say xỉn rồi chửi bới, hành hạ, đánh đập bà S. Bà S đã nhiều lần khuyên nhủ và cố gắng nhẫn nhịn cho gia đình êm ấm để cả hai cùng chăm lo làm ăn và nuôi dạy các con nhưng ông Đ vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi được gì. Do không chịu được cảnh chửi bới, hành hạ nên bà S đã sống ly thân với ông Đ hơn nửa năm nay, bà S vào xã B để làm ăn buôn bán còn ông Đ vẫn ở nhà chung của hai vợ chồng. Hiện nay bà S thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Ngọc Đ.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng bà S, ông Đ có với nhau 03 cháu là Phạm Ngọc T, sinh ngày 14/4/1990; Phạm Ngọc H, sinh ngày 21/8/1992 và Phạm Ngọc T1, sinh ngày 14/6/1999. Do các cháu đã trên 18 tuổi và đã tự lo được cho bản thân nên bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng ông Đ, bà S tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Phạm Ngọc Đ, ông Đ đồng ý về quan hệ hôn nhân theo ý kiến của bà S. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà S vì ông cho rằng một mình bà S đứng đơn thì tự bà ấy giải quyết lấy và không liên quan gì đến ông cả. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đều không chấp hành theo các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Theo kết quả xác minh tại ban tự quản thôn Y, xã Đ, huyện L nơi bà Bùi Thị S và ông Phạm Ngọc Đ cư trú thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là có thật theo như nội dung mà bà S trình bày. Về tình trạng hôn nhân ban tự quản thôn Y cho biết vợ chồng ông Đ, bà S chuyển về sinh sống tại địa phương khoảng năm 1989.

Quá trình sống chung hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, xung đột, ông Đ tính tình thất thường và hay nổi nóng nên có hành vi bạo lực gia đình, chửi bới bà S. Khoảng 2, 3 tháng trở lại đây thì ban tự quản thôn buồn thấy bà S chuyển về xã B để làm ăn và sinh sống còn ông Đ thì sống trong nhà chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Lắc thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình về quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp ly hôn*” giữa nguyên đơn bà Bùi Thị S với bị đơn ông Phạm Ngọc Đ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải, chuẩn bị xét xử. Tại phiên Tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị S và ông Phạm Ngọc Đ được ly hôn với nhau.
- Về con chung: Do cả 03 cháu đã trưởng thành nên không đề cập để giải quyết.
- Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.
- Về án phí: Bà Bùi Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Ngọc Đ, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn Y, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lắc căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều

35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết là đúng với quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị S và ông Phạm Ngọc Đ xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nên quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị S và ông Phạm Ngọc Đ là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa hai ông bà đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, xích mích. Nguyên nhân do ông Đ thường xuyên uống rượu say xỉn rồi chửi bới, xúc phạm, hành hạ bà S về cả thể xác lẫn tinh thần. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà S và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị S về yêu cầu ly hôn với ông Phạm Ngọc Đ.

[3] Về con chung: Bà Bùi Thị S và ông Phạm Ngọc Đ có 03 con chung là cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 14/4/1990; Phạm Ngọc H, sinh ngày 21/8/1992 và Phạm Ngọc T1, sinh ngày 14/6/1999. Do cả 03 cháu đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Bùi Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị S và ông Phạm Ngọc Đ được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Do cả 03 cháu đã trưởng thành nên Tòa án không đề cập để giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Bùi Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0001678 ngày 20/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THA dân sự huyện L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Tâm